TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 754/2019/QĐST-HNGĐ	*Quận 7, ngày 22 tháng 10 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào Khoản 4 Điều 397, Điều 212, Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 116 và Điều 118 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 684/2019/HNST ngày 17 tháng 9 năm 2019 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Bà Trương Thị Bích D, sinh năm 1993;

- Ông Nguyễn Đức T, sinh năm 1993;

Cùng cư trú tại địa chỉ: Số 803/49E đường P, khu phố H, phường T, Quận B, Thành phố H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Ông Nguyễn Đức T và bà Trương Thị Bích D qua thời gian tìm hiểu thì cả hai tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 80 đăng ký ngày 14 tháng 7 năm 2016 tại Ủy ban nhân dân phường P, Quận B, Thành phố H).

Vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng hai đến ba năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do cả hai bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi vã, không tìm được tiếng nói chung, mâu thuẫn ngày càng

trầm trọng, không thể hàn gắn được. Mặc dù ông bà đã tìm cách khắc phục nhưng không có kết quả.

Ông bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, tiếp tục sống chung cũng không hạnh phúc nên cùng yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Xét, đây là sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự và không trái pháp luật nên Tòa án ghi nhận.

[2] Về con chung: Ông Nguyễn Đức T và bà Trương Thị Bích D có một con chung là trẻ Nguyễn Đức D, sinh ngày 30/4/2017.

Sau khi ly hôn, ông T và bà D thỏa thuận giao con chung cho bà D trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng, ông T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng. Việc cấp dưỡng được thực hiện vào ngày 15 hàng tháng, bắt đầu thi hành từ tháng 10/2019 cho đến khi phát sinh các căn cứ làm chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại Điều 118 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Xét, đây là sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự và không trái pháp luật nên Tòa án ghi nhận.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Ông Nguyễn Đức T và bà Trương Thị Bích D xác nhận không có, nên Tòa án ghi nhận.

[4] Về lệ phí: Ông Nguyễn Đức T và bà Trương Thị Bích D chịu lệ phí dân sự sơ thẩm số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Đức T và bà Trương Thị Bích D thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 80 đăng ký ngày 14 tháng 7 năm 2016 tại Ủy ban nhân dân phường P, Quận B, Thành phố H).

1.2. Về con chung: Ông Nguyễn Đức T và bà Trương Thị Bích D có một con chung là trẻ Nguyễn Đức D, sinh ngày 30/4/2017.

Ông Nguyễn Đức T và bà Trương Thị Bích D thỏa thuận giao con chung cho bà D trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng, ông T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 (hai triệu) đồng. Việc cấp dưỡng được thực hiện vào ngày 15 hàng tháng, bắt đầu thi hành từ tháng 10/2019 cho đến khi phát sinh các căn cứ làm chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại Điều 118 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Trong trường hợp ông T chậm thi hành khoản tiền cấp dưỡng nuôi con thì ông T còn phải trả lãi đối với số tiền chậm thi hành tương ứng với thời gian chậm thi hành theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ông T có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung; vì quyền lợi của con, khi có yêu cầu của một hoặc hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

1.3. Về tài sản chung và nợ chung: Ông Nguyễn Đức T và bà Trương Thị Bích D xác nhận không có.

2. Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Ông Nguyễn Đức T và bà Trương Thị Bích D chịu lệ phí sơ thẩm 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng lệ phí số AA/2018/0031676 ngày 17 tháng 9 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông bà đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014./.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Tp.HCM;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Tp.HCM;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án (Thơm).

Nguyễn Thị Thu Sương